

Bản án số: 10/2024/DS- ST

Ngày: 26/9/2024

V/v: “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH L

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Nga

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lý Chí Sung

Bà Hà Thị Liên

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Lực - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố L

Đại diện Viện kiểm sát nhân thành phố L tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố L, tỉnh L xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 19/2024/TLST-DS ngày 24 tháng 5 năm 2024 về việc: “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2024/QĐXXST-DS ngày 09/9/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

Bà Lê Thị Hồng T, sinh năm 1979 (vắng mặt).

Ông Lê Đức M, sinh năm 1974 (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Lê Thị Hồng T là: Ông Lê Đức M, sinh năm 1974 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Số nhà 024, đường 30/4, tổ 27, phường Đ, thành phố L, tỉnh L.

- *Bị đơn:*

Ông Trần Nhật H, sinh năm 1976 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số nhà 28, tổ 06, phường Thượng Đình, quận T, thành phố H.

Bà Phan Thị H, sinh năm 1978 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số nhà 82, đường Trần Hưng Đạo, tổ 5 phường Đoàn Kết, thành phố L, tỉnh L.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Lê Thanh Hg, sinh năm 1998 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số nhà 024, đường 30/4, tổ 27, phường Đ, thành phố L, tỉnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn ông Lê Đức M, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn là bà Lê Thị Hồng T, ông M trình trình bày:

Ngày 24/6/2020 ông bà có cho vợ chồng ông Trần Nhật H và bà Phan Thị H vay số tiền là 100.000.000 đồng, khi cho vay hai bên có làm “*Hợp đồng vay tiền không có tài sản bảo đảm*”, hợp đồng được công chứng số 133 quyền số 01/2020/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 24/6/2020 tại văn phòng công chứng Dương Quốc Đại. Trong hợp đồng hai bên có thỏa thuận số tiền cho vay là 100.000.000 đồng, lãi suất vay là 0%, thời hạn vay là 01 năm kể từ ngày 24/6/2020 đến hết ngày 23/6/2021, nếu quá thời hạn trên ông H và bà H không trả được cho ông Lê Đức M và Lê Thị Hồng T thì phải có nghĩa vụ trả tiền lãi suất của số tiền vay trên cho ông bà theo lãi suất trung hạn tiêu dùng theo quy định của Ngân hàng. Từ khi cho vay đến nay đã quá thời hạn thanh toán sang năm thứ 3 nhưng ông Trần Nhật H và bà Phan Thị H không thực hiện việc trả nợ cho ông M, bà T bao gồm cả gốc và lãi theo quy định. Ông M, bà T đã nhiều lần yêu cầu ông H, bà H trả tiền nhưng ông bà không trả và có thái độ chây ì, thách thức.

Vì vậy nguyên đơn ông Lê Đức M và bà Lê Thị Hồng T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Nhật H và bà Phan Thị H phải trả lại cho ông M, bà T số tiền gốc là 100.000.000 đồng và tiền lãi 10,2%/năm tạm tính từ ngày 01/7/2021 đến ngày 30/4/2024 (tương đương 33 tháng) = 28.050.000 đồng. Tổng cả gốc và lãi là 128.050.000 đồng.

Ngày 20/9/2024 ông Lê Đức M, bà Lê Thị Hồng T có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông Trần Nhật H và bà Phan Thị H trả cho ông bà số tiền gốc là 100.000.000 đồng và tiền lãi 10%/năm tính từ ngày 01/7/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm 26/9/2024 (tổng 1.181 ngày) = 32.356.164 đồng. Như vậy, tổng cả gốc và lãi 132. 356.164 đồng, trong đó: tiền gốc là 100.000.000 đồng, tiền lãi là 32.356.164 đồng.

Tại phiên tòa, ông Lê Đức M, bà Lê Thị Hồng T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

* Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Trần Nhật H trình bày:

Trước đây ông Trần Nhật H và ông Lê Đức M có quen biết nhau nên ông H có vay của ông M số tiền 100.000.000 đồng, khi vay hai bên có làm “*Hợp đồng vay tiền không có tài sản bảo đảm*”, hợp đồng được công chứng số 133 quyền số 01/2020/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 24/6/2020 tại văn phòng công chứng Dương

Quốc Đại. Trong hợp đồng có thỏa thuận số tiền cho vay 100.000.000 đồng, lãi suất vay là 0%, thời hạn vay là 01 năm kể từ ngày 24/6/2020 đến hết ngày 23/6/2021. Sau khi vay tiền của ông M, bà T, ông H đã chuyển trả cho bà T 5 lần với tổng số tiền là 32.900.000 đồng, bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản của bà Lê Thị Hồng T tại Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam - chi nhánh L.

Nay ông M, bà T yêu cầu ông và bà H phải trả cho ông M, bà T số tiền gốc là 100.000.000 đồng và tiền lãi 10,2%/năm tạm tính từ ngày 01/7/2021 đến ngày 30/4/2024 (tương đương 33 tháng) = 28.050.000 đồng. Tổng cả gốc và lãi là 128.050.000 đồng là ông không nhất trí, ông chỉ nhất trí trả số tiền còn nợ lại chưa trả sau khi đã trừ đi số tiền 32.900.000 đồng và tiền lãi suất theo quy định.

** Bị đơn bà Phan Thị H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt và cũng không có văn bản trả lời ý kiến cho Tòa án biết về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Thanh Hg trình bày:*

Vào thời gian khoảng tháng 7 năm 2020 đến tháng 12 năm 2021 ông Lê Thanh Hg có làm thuê cho ông Trần Nhật H và bà Phan Thị H trông cây ăn quả và nuôi một số gia súc, gia cầm mục đích là để khai thác du lịch sinh thái. Số tiền ông H chuyển khoản vào số tài khoản của mẹ ông là bà Lê Thị Hồng T để trả tiền 04 tháng ông Hg làm thuê cho nhà ông H và bà H là 20.000.000 đồng, số tiền còn lại 12.900.000 đồng là tiền sửa xe ô tô mà bố mẹ ông có cho vợ chồng ông H và bà H mượn xe đi làm ăn đã xảy ra tai nạn, tổng số tiền sửa xe hết 25.900.000 đồng tại xưởng sửa xe của ông Nguyễn Quang Hiến tại tổ 5, phường Tân Phong, thành phố L nhưng ông H chỉ chuyển cho ông 12.900.000 đồng và ông H có nói với ông là chú đang khó khăn, chú chuyển trước 12.900.000 đồng, còn 13.000.000 đồng sẽ chuyển trả sau, đến nay ông H vẫn chưa chuyển trả cho ông số tiền sửa xe còn lại. Như vậy ông H đã chuyển vào tài khoản của mẹ ông là bà T 32.900.000 đồng là tiền công ông đi làm thuê cho ông H và tiền sửa xe ông H đã đâm vào làm hỏng, chứ không phải là ông H trả tiền vay cho bố mẹ ông đối với khoản vay 100.000.000 đồng mà ông H bà H vay của bố mẹ ông trước đó.

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L có ý kiến như sau:*

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về nhiệm vụ quyền hạn của Thẩm phán được phân công. Tiến hành thụ lý vụ án đúng trình tự, thủ tục và gửi thông báo thụ lý vụ án đúng thời hạn quy định; xác định đúng tư cách tố tụng của đương sự; thu thập chứng cứ khách quan, công khai; ra quyết định xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn luật định; việc cấp, tổng đạt văn bản tố tụng đảm bảo. Hội đồng xét xử đã xét xử vụ án đúng nguyên tắc, thành phần. Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71, 73 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định về quyền và nghĩa vụ của mình theo

quy định Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Căn cứ các Điều 117, 119, 357, 463, Điều 466, 468 Bộ luật dân sự 2015; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm g khoản 1 Điều 40, Điều 147, Điều 227, 228, khoản 2 Điều 244, Điều 271, Điều 273, Điều 483 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Đức M và bà Lê Thị Hồng T đối với ông Trần Nhật H và bà Phan Thị H về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Buộc ông Trần Nhật H và bà Phan Thị H phải có nghĩa vụ trả cho ông Lê Đức M và bà Lê Thị Hồng T số tiền là 132.356.164 đồng, trong đó, số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng và tiền lãi suất là 32.356.164 đồng.

- Đình chỉ đối với một phần yêu cầu của nguyên đơn ông Lê Đức M và bà Lê Thị Hồng T đối với ông Trần Nhật H và bà Phan Thị H về phần lãi suất 0,2%/năm.

- Về án phí: Bị đơn ông Trần Nhật H và bà Phan Thị H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận. Trả lại cho nguyên đơn ông Lê Đức M số tiền số tiền 3.201.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố L.

Đề nghị ghi nhận và giải thích về quyền yêu cầu thi hành án dân sự và quyền kháng cáo của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” giữa nguyên đơn ông Lê Đức M, bà Lê Thị Hồng T và bị đơn ông Trần Nhật H, địa chỉ: Số nhà 28, tổ 06, phường Thượng Đình, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội và bà Phan Thị H, địa chỉ: Số nhà 82, đường Trần Hưng Đạo, tổ 5 phường Đoàn Kết, thành phố L, tỉnh L. Hợp đồng vay tài tiền được ký kết tại nhà ông Lê Đức M và Lê Thị Hồng T, địa chỉ: phường Đ, thành phố L, tỉnh L. Do đó, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố L quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm g khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Bị đơn ông Trần Nhật H và bà Phan Thị H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Thanh Hg đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Trần Nhật H, bà Phan Thị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Thanh Hg.

Ngày 20/9/2024, nguyên đơn ông Lê Đức M có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về lãi suất yêu cầu ông Trần Nhật H và bà Phan Thị H trả lại cho ông M, bà

T số tiền gốc là 100.000.000 đồng và lãi suất là 10%/năm tính từ ngày 01/7/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm 26/9/2024. Xét thấy việc nguyên đơn ông M rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần lãi suất từ 10,2%/năm xuống 10%/năm là H toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội, do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận việc rút một phần yêu cầu của nguyên đơn và đình chỉ đối với phần yêu cầu này.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Lê Đức M và bà Lê Thị Hồng T về việc yêu cầu ông Trần Nhật H và bà Phan Thị H trả cho ông bà số tiền gốc là 100.000.000 đồng và tiền lãi 10%/năm tính từ ngày 01/7/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm 26/9/2024 (tương đương 03 năm 02 tháng 26 ngày) = 32.356.164 đồng. Như vậy, tổng cả gốc và lãi 132. 356.164 đồng, trong đó: tiền gốc là 100.000.000 đồng, tiền lãi là 32.356.164 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Xét hợp đồng vay tiền:

Hợp đồng vay tiền ngày 24/6/2020 giữa ông Lê Đức M, bà Lê Thị Hồng T với ông Trần Nhật H, bà Phan Thị H thể hiện nội dung: Bên cho vay ông Lê Đức M, bà Lê Thị Hồng T có cho bên vay ông Trần Nhật H, bà Phan Thị H vay số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất vay là 0%, thời hạn vay là 01 năm kể từ ngày 24/6/2020 đến hết ngày 23/6/2021, nếu quá thời hạn trên ông H và bà H không trả được cho ông Lê Đức M và Lê Thị Hồng T thì phải có nghĩa vụ trả tiền lãi suất của số tiền vay trên cho ông M, bà T theo lãi suất trung hạn tiêu dùng theo quy định của ngân hàng. Hết thời hạn 01 năm kể từ ngày từ ngày 24/6/2020 đến hết ngày 23/6/2021, ông H và bà H không thực hiện nghĩa vụ theo như hợp đồng đã thỏa thuận. Hội đồng xét xử xét thấy: Việc giao kết thỏa thuận hợp đồng được thực hiện bằng văn bản, hợp đồng vay tiền được công chứng số 133 quyền số 01/2020/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 24/6/2020 tại văn phòng công chứng Dương Quốc Đại, các chủ thể tham gia ký kết hợp đồng đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự; nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm; chữ ký đều do các bên H toàn tự nguyện ký vào hợp đồng. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án lấy lời khai bị đơn ông Trần Nhật H, ông H cũng thừa nhận có vay số tiền 100.000.000 đồng của ông M, bà T. Do đó, về hình thức, nội dung thực hiện giao kết hợp đồng là đảm bảo theo quy định tại Điều 117, 119 Bộ luật dân sự. Vì vậy, xác định ông Trần Nhật H và bà Phan Thị H có vay tiền của ông Lê Đức M, bà Lê Thị Hồng T số tiền 100.000.000 đồng là đúng.

[3.2] Về lãi suất: Theo thỏa thuận trong hợp đồng vay tiền ngày 24/6/2020 các bên thỏa thuận lãi suất vay là 0%, thời hạn vay là 01 năm kể từ ngày 24/6/2020 đến hết ngày 23/6/2021, nếu quá thời hạn trên ông H, bà H không trả được cho ông M, bà T thì phải có nghĩa vụ trả tiền lãi suất của số tiền vay trên cho ông M, bà T theo lãi suất trung hạn tiêu dùng theo quy định của ngân hàng. Xét thấy, trong hợp đồng vay tiền, các bên có thỏa thuận về việc trả lãi theo lãi suất trung hạn tiêu dùng theo quy định của ngân hàng. Tuy nhiên, không nêu rõ lãi suất trung hạn tiêu dùng của ngân hàng nào nên xác định đây là trường hợp không xác định rõ lãi suất. Như vậy theo

quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là 20%, do đó ông M yêu cầu ông H, bà T trả mức lãi suất là 10%/năm là phù hợp theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự. Do ông Trần Nhật H và bà Phan Thị H vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Vì vậy ông M, bà T yêu cầu ông Trần Nhật H và bà Phan Thị H trả tiền lãi từ ngày 01/7/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm 26/9/2024 (tương đương 03 năm 02 tháng 26 ngày) = 32.356.164 đồng là có căn cứ chấp nhận.

Như vậy, ông Trần Nhật H và bà Phan Thị H phải có nghĩa vụ trả cho ông Lê Đức M, bà Lê Thị Hồng T số tiền gốc là 100.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 01/7/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm 26/9/2024 (tương đương 03 năm 02 tháng 26 ngày) = 32.356.164 đồng.

[3.3] Đối với việc ông Trần Nhật H cho rằng ông đã chuyển trả cho bà T 5 lần với tổng số tiền là 32.900.000 đồng, bằng hình thức chuyển khoản vào số tài khoản 3620146522 của bà Lê Thị Hồng T tại Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam - chi nhánh L. Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ vào lời khai của nguyên đơn ông Lê Đức M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Thanh Hg cũng như những chứng cứ mà ông H và ông M cung cấp cho Tòa án bản sao kê tài khoản tiền gửi khách hàng thấy rằng: Ngày 30/6/2020, ông H có chuyển số tiền 5.000.000 đồng vào số tài khoản 3620146522 của bà Lê Thị Hồng T tại Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam - chi nhánh L và có ghi nội dung chuyển tiền là: Trần Nhật H chuyển tiền Hg; ngày 08/7/2020, ông H có chuyển số tiền 5.000.000 đồng vào số tài khoản 3620146522 của bà Lê Thị Hồng T tại Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam - chi nhánh L và có ghi nội dung chuyển tiền là: Trần Nhật H chuyển tiền Hg; ngày 14/7/2020, ông H có chuyển số tiền 5.000.000 đồng vào số tài khoản 3620146522 của bà Lê Thị Hồng T tại Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam - chi nhánh L và có ghi nội dung chuyển tiền là: Trần Nhật H chuyển tiền Hg; ngày 04/8/2020, ông H có chuyển số tiền 5.000.000 đồng vào số tài khoản 3620146522 của bà Lê Thị Hồng T tại Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam - chi nhánh L và có ghi nội dung chuyển tiền là: Trần Nhật H chuyển tiền Hg; ngày 08/02/2021, ông H có chuyển số tiền 12.900.000 đồng vào số tài khoản 3620146522 của bà Lê Thị Hồng T tại Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam - chi nhánh L và có ghi nội dung chuyển tiền là: Trần Nhật H chuyển tiền sửa xe. Như vậy, xác định việc ông Trần Nhật H chuyển số tiền 32.900.000 đồng vào tài khoản của bà T là tiền ông H trả tiền công làm thuê và tiền sửa xe cho anh Lê Thanh Hg chứ không phải là trả tiền vay của ông M, bà T. Do đó, ý kiến của ông H cho rằng ông đã trả số tiền 32.900.000 đồng cho ông M, bà T là H toàn không có căn cứ.

[4] Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Thanh Hg không có yêu cầu gì nên không xem xét.

[5] Về án phí: Bị đơn ông Trần Nhật H và bà Phan Thị H phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp

nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. H trả lại cho ông Lê Đức M số tiền 3.201.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: 0000208 ngày 23/5/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố L.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm g khoản 1 Điều 40, Điều 147, Điều 227, 228, khoản 2 Điều 244, Điều 271, 273, 483 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 117, 119, 357, 463, Điều 466, 468 Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Đức M và bà Lê Thị Hồng T đối với ông Trần Nhật H và bà Phan Thị H về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc ông Trần Nhật H và bà Phan Thị H phải có nghĩa vụ trả cho ông Lê Đức M và bà Lê Thị Hồng T số tiền là 132.356.164 đồng (*Bằng chữ: Một trăm ba mươi hai triệu ba trăm lăm mươi sáu nghìn một trăm sáu mươi bốn đồng*). Trong đó, số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm triệu đồng*) và tiền lãi suất tính từ ngày 01/7/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm 26/9/2024 là 32.356.164 đồng (*Bằng chữ: Ba mươi hai triệu ba trăm lăm mươi sáu nghìn một trăm sáu mươi bốn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả.

[2] Đình chỉ đối với một phần yêu cầu của nguyên đơn ông Lê Đức M và bà Lê Thị Hồng T đối với ông Trần Nhật H và bà Phan Thị H về phần lãi suất 0,2%/năm.

[3] Về án phí: Buộc ông Trần Nhật H và bà Phan Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 6.617.808 đồng (*Bằng chữ: Sáu triệu sáu trăm mười bảy nghìn tám trăm linh tám đồng*).

Trả lại cho ông Lê Đức M số tiền số tiền 3.201.000 đồng (*Bằng chữ: Ba triệu hai trăm linh một nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: 0000208 ngày 23/5/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố L.

[4] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh L;
- VKSND thành phố L;
- Chi cục THADS thành phố L;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Nga

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Nga

